**1. Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ**

**a) Trình tự thực hiện:** (Điều 12 Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT)

**- Bước 1:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết: Trong các ngày làm việc, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ 7:

Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11giờ 30 phút;

Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

**- Bước 2 : Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ**

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ đầy đủ thì nhận hồ sơ; Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì giải thích, hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

**- Bước 3 : Giải quyết hồ sơ**

Khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp ngay trong ngày làm việc.

Nếu khối lượng thông tin, dữ liệu quá lớn mà không thể thực hiện việc cung cấp trong ngày thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cụ thể về thời gian cung cấp. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trả lời cho tổ chức, cá nhân biết rõ lý do.

 Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khi có yêu cầu.

**- Bước 4: Trả kết quả giải quyết**

Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**b)Cách thức thực hiện**: (Điều 60 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm: (Khoản 5, Điều 9 Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT)

+ Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (theo Mẫu).

Người đến giao dịch phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị (khi Bên yêu cầu cung cấp là tổ chức)

- Số lượng hồ sơ: một (01) bộ (Khoản 5, Điều 9 Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT)

**d) Thời hạn giải quyết: (**điểm b, Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015)

Khi nhận được thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ hợp lệ, cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp ngay trong ngày làm việc.

Nếu khối lượng thông tin, dữ liệu quá lớn mà không thể thực hiện việc cung cấp trong ngày thì cơ quan có trách nhiệm cung cấp phải thông báo cụ thể về thời gian cung cấp. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ quan có trách nhiệm cung cấp phải trả lời cho tổ chức, cá nhân biết rõ lý do.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 10 TT 48/2015/TT-BTNMT)

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** (Khoản2Điều 9 Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015)

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và môi trường

**g) Kết quả thủ tục hành chính:**Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ hợp lệ (Bản Trích lục bản đồ địa chính; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất)hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do

**h) Phí, lệ phí**

**Phí khai thác và sử dụng tư liệu bản đồ:**

| **TT** | **LOẠI TƯ LIỆU** | **ĐƠN VỊ** | **MỨC THU PHÍ (đồng)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Bản đồ in trên giấy**  |  |  |  |
| 1 | Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 và lớn hơn | Tờ | 120.000  |
| 2 | Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 | Tờ | 130.000  |
| 3 | Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000 | Tờ | 140.000  |
| 4 | Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000 và nhỏ hơn | Tờ | 170.000  |
| 5 | Bản đồ hành chính Việt Nam | Bộ | 900.000  |
| **II** | **Bản đồ in Ploter** |  |  |
| 1 | Bản đồ địa hình, bản đồ địa chính cơ sở (không phần biệt tỷ lệ) | Tờ A1 | 120.000 |
| 2 | Bản đồ hành chính Việt Nam, BĐHC tỉnh, BĐĐC các tỷ lệ, BĐ HTSDĐ, bản đồ Quy hoạch | Tờ A1 | 150.000 |
| **III** | **Bản đồ số dạng Vector:** |  |  |
| 1 | Bản đồ địa chính 1/200 | Mảnh | 250.000 |
| 2 | Bản đồ địa chính 1/500 | Mảnh | 300.000 |
| 3 | Bản đồ địa chính 1/1.000 | Mảnh | 350.000 |
| 4 | Bản đồ địa chính 1/2.000, 1/5.000 | Mảnh | 390.000 |
| 5 | Trích lục bản đồ địa chính, hồ sơ kỹ thuật thửa đất (1 lớp) 1/200, 1/500 | Sản phẩm | 50.000 |
| 6 | Trích lục bản đồ địa chính, hồ sơ kỹ thuật thửa đất (1 lớp) 1/1.000 | Sản phẩm | 60.000 |
| 7 | Trích lục bản đồ địa chính, hồ sơ kỹ thuật thửa đất (1 lớp) 1/2.000, 1/5.000 | Sản phẩm | 65.000 |
|  | Trên đây là mức thu đối với việc cung cấp 1 bản sản phẩm /1 lần , từ bản thứ 2 cùng trong lần cung cấp đó tính thêm phí nhân bản :* Khổ A4
* Khổ A3
* Khổ A2
* Khổ A1
* Khổ Ao
 | * Bản
* Bản
* Bản
* Bản
* Bản
 | * 1.200
* 2.400
* 4.800
* 9.600
* 19.200
 |

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 01/PYCsố 01/PYC ban hành kèm theo Thông tư 34/2014/TT-BTNMT): Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

 - Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng, quản lý khai thác hệ thống thông tin đất đai;

 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

 - Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

 - Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý, cung cấp khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

- Thông tư 196/2016/BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01/PYC*(Kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------***………., ngày ….. tháng ….. năm ………* | **PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ****Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:** ……… *Giờ … phút, ngày …/…/… Quyển số …….. Số thứ tự ……………***Người nhận hồ sơ***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: …………………………………………………………..

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:

..................................................................................................................................

Đại diện là ông (bà) ……………………………. Số CMTND/Hộ chiếu .....................

cấp ngày …../…../……. tại ……………………; Quốc tịch ........................................

2. Địa chỉ: .................................................................................................................

..................................................................................................................................

3. Số điện thoại ……………………; fax …………………; E-mail: ............................ ;

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp của Thửa đất số ………………………………, địa chỉ

*Đánh dấu "X" vào nội dung cần cung cấp thông tin):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| □ Thửa đất 1□ Người sử dụng đất 2□ Quyền sử dụng đất□ Tài sản gắn liều với đất□ Tình trạng pháp lý | □ Lịch sử biến động□ Quy hoạch sử dụng đất□ Trích lục bản đồ□ Trích sao GCNQSDĐ□ Giao dịch đảm bảo | □ Hạn chế về quyền□ Giá đất □ *Tất cả thông tin trên* |

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

.......................................................................................................................................

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả: ....................................... *bộ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| □ Bản giấy sao chụp□ Gửi EMS theo địa chỉ | □ Nhận tại nơi cung cấp □ Fax | □ Lưu trữ điện tử USB, CD□ Email |

7. Cam kết sử dụng dữ liệu: Tôi cam đoan không sử dụng dữ liệu được cung cấp trái với quy định của pháp luật và không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.

|  |  |
| --- | --- |
|    | NGƯỜI YÊU CẦU*(Ký, ghi rõ họ tênvà đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức)* |

1 Dữ liệu Thửa đất bao gồm: Số hiệu thửa đất, số tờ BĐĐC, diện tích, địa chỉ.

2 Dữ liệu Người sử dụng đất bao gồm: Họ tên vợ chồng, năm sinh, CMND, địa chỉ.